

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Mỏ; Chuyên ngành: Khai thác mỏ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ANH TUẤN
2. Ngày tháng năm sinh: 08/01/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
4. Quê quán: Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 79-81, Ngõ 207, Tổ Dân Phố Trung 6, Đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Anh Tuấn, Bộ môn Khai thác Lộ thiên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Số 18, phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

Điện thoại di động: 0912507096; E-mail: nguyenanhtuan@humg.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 11/2002 đến 08/2004: Cán bộ hợp đồng dài hạn Bộ môn Khai thác Lộ thiên, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Từ 09/2004 đến 12/2011: Cán bộ giảng dạy Bộ môn Khai thác Lộ thiên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Từ 06/2009 đến 12/2011: Chủ tịch Công đoàn Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Từ 12/2011 đến 12/2015: Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Trường Mỏ Nancy (Ecole des Mines de Nancy), Cộng hòa Pháp.
- Từ 04/2014 đến 12/2015: Bí thư chi bộ Lưu học sinh Nancy nhiệm kỳ 2014-2016, Cộng hòa Pháp.
- Từ 01/2016 đến 07/2021: Giảng viên (hạng III) Bộ môn Khai thác Lộ thiên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Từ 05/2018 đến nay: Giảng viên chính (hạng II) Bộ môn Khai thác Lộ thiên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Từ 04/2017 đến 07/2021: Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Cơ Điện Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Từ 07/2020 đến nay: Phó Trưởng bộ môn Khai thác Lộ thiên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn và Phó Giám đốc Trung tâm

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ cơ quan: Số 18, phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: +84 24 3838 9633

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu: /

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 12 năm 2002; số văn bằng: B0210188; ngành: Khai thác mỏ, chuyên ngành: Khai thác lộ thiên; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 2008; số văn bằng: 000715; ngành: Khai thác mỏ; chuyên ngành: Khai thác lộ thiên; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 07 năm 2016; số văn bằng: UNIVLOR 12243347/2016201418567; ngành: Khoa học trái đất; chuyên ngành: Kỹ thuật mỏ; Nơi cấp bằng TS: Đại học Lorraine, Ecole des Mines de Nancy, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong khai thác mỏ lộ thiên;
- Mô phỏng và tối ưu trong khai thác mỏ;
- Ổn định bờ mỏ và sườn dốc;
- Đánh giá các rủi ro trong khai thác mỏ lộ thiên.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn chính 01 NCS Phạm Văn Việt từ 13/11/2019 (theo Quyết định số 1532/QĐ-MĐC ngày 13/11/2019);

- Đã hướng dẫn chính 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và đã được cấp bằng;
- Đã chủ trì hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở và 01 đề tài NCKH cấp bộ;
- Đã công bố 44 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: 04 cuốn sách chuyên khảo và tham khảo tại các nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng:

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2016-2017, 2017-2018; Lao động tiên tiến và giấy khen của Hiệu trưởng năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2009-2010 (Số 5227/QĐ-BGDĐT ngày 15/11/2010).

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có tư cách, phẩm chất đạo đức tốt; trung thực; gương mẫu trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Nhà trường (theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2009);
- Được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy đại học và sau đại học;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu của nghề nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 12 năm 8 tháng (không kể 2 năm tập sự và thử việc từ 11/2002 đến 8/2004 và 4 năm học NCS tại Cộng hòa Pháp từ 12/2011 đến 12/2015).

Khối lượng giảng dạy trong 6 năm học gần nhất:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011	0	0	0	05	345	0	345/420/239
2	2016-2017	0	0	0	07	435	135	570/675/270
3	2017-2018	0	0	03	09	300	150	450/653/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	03	08	300	150	450/638/270
5	2019-2020	0	0	01	05	255	120	375/473/229
6	2020-2021	0	0	01	03	450	105	555/623/229

Lưu ý: từ năm học 2014-2015 trở về trước, ứng viên kê khai giờ chuẩn theo quy định là 280 giờ; từ năm học 2015-2016 đến nay giờ chuẩn theo quy định là 270 giờ (Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ; số giờ định mức

năm học 2010-2011 ứng viên là Chủ tịch Công đoàn Khoa Mỏ tính 85% của định mức giờ chuẩn 280 giờ; từ năm học 2009-2020 đến nay ứng viên là Phó Trưởng Bộ môn tính 85% của định mức giờ chuẩn 270 giờ).
 (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS tại Cộng hòa Pháp từ năm 2011 đến 2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tuấn Anh (1990)		x	x		13/03/2017 đến 30/04/2018	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	21/12/2017, Quyết định 1791/QĐ-MĐC
2	Nguyễn Thị Quyên		x	x		01/06/2017 đến 30/04/2018	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	10/07/2018, Quyết định 865/QĐ-MĐC
3	Nguyễn Tuấn Anh (1973)		x	x		12/03/2018 đến 03/10/2018	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	04/01/2019, Quyết định 02/QĐ-MĐC
4	Phạm Thị Thu Hương		x	x		10/09/2018 đến 30/04/2019	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	30/07/2019, Quyết định 797/QĐ-MĐC
5	Nguyễn Thị Nhưông		x	x		10/09/2018 đến 30/04/2019	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	30/07/2019, Quyết định 797/QĐ-MĐC
6	Nguyễn Đức Hải		x	x		10/09/2018 đến 30/04/2019	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	30/07/2019, Quyết định 797/QĐ-MĐC

7	Vũ Văn Giang		x	x		11/03/2019 đến 31/10/2019	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	23/3/2020, Quyết định 178/QĐ-MĐC
8	Lương Xuân Thuờng		x	x		16/09/2019 đến 31/05/2020	Trường ĐH Mỏ-Địa chất	03/11/2020, Quyết định 1102/QĐ-MĐC

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1	Khai thác khoáng sản rắn bằng phương pháp lộ thiên	TK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2009. (Quyết định XB số 313/QĐXB- NXBKHK T cấp ngày 22/10/2009).	03	Hồ Sĩ Giao	Biên soạn chương 16 (từ trang 413 đến trang 430), chương 17 (từ trang 431 đến trang 462), chương 19 (từ trang 507 đến trang 520) và chương 20 (từ trang 521 đến trang 533) trên tổng số 20 chương sách	Giấy xác nhận số 108/GXN- MĐC (28/06/2019)
2	Công nghệ khai thác đá khối tiên tiến	CK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2016. (Quyết định XB số 23/QĐ- KHTNCN, Cấp ngày 10/06/2016); ISBN 978- 604-913- 463-4.	03	Nguyễn Anh Tuấn	Biên soạn chương 1 (từ trang 1 đến trang 26), chương 3 (từ trang 45 đến trang 106) và chương 4 (từ trang 107 đến trang 224) trên tổng số 5 chương sách.	Giấy xác nhận số 108/GXN- MĐC (28/06/2019)
II Sau khi được công nhận TS							
3	Công tác Khoan - nổ mìn và Kỹ thuật an toàn sử dụng VLNCN trong ngành mỏ và công trình	TK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2017. (Quyết định XB số 51/QĐ- KHTNCN,	04	Trần Quang Hiếu	Biên soạn các chương 1 (từ trang 7 đến trang 19) và chương 6 (từ trang 114 đến 147) trên tổng số 7 chương sách.	Giấy xác nhận số 108/GXN- MĐC (28/06/2019)

			cấp ngày 21/08/2017), ISBN 978-604-913-601-6.				
4	Mô phỏng khối đá hỗ trợ khai thác đá khối an toàn và hiệu quả	CK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2021. (Quyết định XB số 29/QĐ-KHTNCN, cấp ngày 26/5/2021); ISBN 978-604-9988-13-4.	01	Nguyễn Anh Tuấn	Biên soạn toàn bộ tài liệu.	Giấy xác nhận số 207/GXN-MĐC (10/06/2021)

Trong đó: 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: "Mô phỏng khối đá hỗ trợ khai thác đá khối an toàn và hiệu quả".

Lưu ý: Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng chương trình tính toán xác định sản lượng hợp lý cho các mỏ khai thác lộ thiên sâu vùng Quảng Ninh.	CN	T41-2007, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. (Quyết định số 24/QĐ.MĐC-KHCN, 26/03/2007)	Từ 01/2007 đến 12/2007	14/11/2007/Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Đề tài: Mô hình hóa khối đá nứt nẻ và cấu trúc hệ khe nứt hỗ trợ thiết kế và lập kế hoạch khai thác một số mỏ đá khối ở Việt Nam.	CN	T17-36, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. (Quyết định số 1590/QĐ-MĐC, 23/11/2017)	Từ 05/2017 đến 11/2018	16/11/2018/Tốt
3	Đề tài: Mô hình hóa khối đá nứt nẻ và cấu trúc hệ khe nứt nhằm nâng cao hiệu quả khai thác một số mỏ đá khối Việt Nam.	CN	B2019-MDA-02, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Quyết định số 5652/QĐ-BGDĐT, 28/12/2018)	Từ 01/2019 đến 12/2020	28/06/2021/Xuất Sắc

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố, có chỉ số ISSN hoặc ISBN:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
I.1	Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế							
1	Regroupement des discontinuité en familles principales dans massifs rocheux fracturés: conséquence sur l'analyse de stabilité à l'équilibre limite d'excavations à ciel ouvert.	03	x	Journal Ingénierie des Ressources, Procédes produits et Environnement (ISBN 978-2-954008-2-1)	-	-	Tập 01, Số 02, Trang 230-238	2014
2	Grouping discontinuities in representative sets: influence on the stability analysis of slope cuts. Link bài báo: https://doi.org/10.1007/s10064-015-0822-x Tra tạp chí trên Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/14947	04	x	Journal Bulletin of Engineering Geology and Environment (Print ISSN: 1435-9529; Online ISSN: 1435-9537)	ISI (IF=2,138 Q2 năm 2016)	-	Số 4, tập 75, Trang 1429-1444	2016
I.2	Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước							
3	Phương pháp xác định bằng thực nghiệm một số hệ số trong hoạt động khai thác mỏ.	02		Tạp chí Công nghiệp mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 6, Trang 21-22, 25	2004
4	Thiết lập mối quan hệ giữa các thông số nổ mìn và ứng dụng nó trong tính toán tối ưu.	03		Tạp chí Công nghiệp mỏ. (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 2, Trang 9-10	2005
5	Xác định tốc độ xuống sâu và khả năng sản lượng của các mỏ than lộ thiên vùng Quảng	02	x	Tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất. (ISSN: 1859-1469)	-	-	Số 14/4, Trang 51-56	2006

	Ninh trên cơ sở năng lực xúc bốc đất đá của mỏ.							
6	Khả năng áp dụng các thiết bị khai thác liên tục cho các mỏ lộ thiên Việt Nam.	01	x	Tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất (ISSN: 1859-1469)	-	-	Số 14/4, Trang 46-49	2006
7	Xác định tốc độ xuống sâu của mỏ lộ thiên khi áp dụng phương pháp chuẩn bị tầng mới theo phân tầng.	01	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 6, Trang 8-11	2006
8	Vấn đề hàm lượng biên và cận biên trong quá trình khai thác các mỏ quặng lộ thiên.	01	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 5, Trang 49-51	2009
9	Tác động của các yếu tố kinh tế, kỹ thuật và môi trường đến tiến trình đầu tư khai thác mỏ lộ thiên.	02	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 6, Trang 6-10	2010
10	Các phương pháp xác định hàm lượng biên tối ưu với các mô hình tổ chức khai thác mỏ lộ thiên.	01	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 5, Trang 42-46	2010
11	Đề xuất mô hình khai thác hợp lý cho các mỏ đá vôi tỉnh Bắc Kạn.	03	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 4, Trang 24-27, 30	2010
12	Nghiên cứu các sơ đồ công nghệ khai thác than bùn trên địa bàn Hà Tây.	03		Tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất (ISSN: 1859-1469)	-	-	Tập 9, Trang 64-69	2010
13	Nhóm các hệ khe nứt trong đá nứt nẻ thành các hệ chính áp dụng mô hình và phân tích ổn định các tầng mỏ đá Cluses, Pháp.	03	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 4, Trang 106-111, 82	2015
I.3	Bài báo đăng trên Hội nghị, Hội thảo quốc tế và trong nước							
14	Mining technology for deep surface coal mines in Quangninh.	03		Proceedings of the International Conference on Advances in Mining	-	-	Trang 5-10	2008

				and Tunneling, Hanoi, Vietnam (ISSN: 1859-1469)				
15	Research on suitable mining technology for clay mines in Vietnam to ensure safety and environmental protection.	01	x	Proceedings of the International Conference on Advances in Mining and Tunneling, Hanoi, Vietnam (ISSN: 1859-1469)	-	-	Trang 90-100	2008
16	Rockfall hazard form DFN modelling of benches stability analysis with a stochastic approach.	03	x	Proceedings of the International Workshop on Advances in Surface Mining for Environmental Protection and Sustainable Development. (ISBN: 978-604-913-423-4)	-	-	Trang 117-128	2015
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế							
17	Determining for an output capacity of dimension stone exploitation from the computer simulations to generate the fracture network in 3D: case study in some dimensional stone quarries in Vietnam. Link tra bài báo: http://doi.org/10.29227/IM-2019-02-67 http://potopk.com.pl/Full_text/2019_full/IM%202-2019-pv17.pdf Tra tạp chí trên Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/145379	05	x	Inżynieria Mineralna (Journal of the Polish Mineral Engineering Society), (ISSN: 1640-4920)	Scopus, ESCI (IF=0,25; Q3 năm 2019)	-	Tập No.2 (44), Số Vol.2, Trang 135-146	2019
18	Simulation of fly-rock distance as a function of	04	x	Inżynieria Mineralna (Journal of the Polish	Scopus, ESCI	-	Tập No.2, Số	2020

	blast conditions: a case study in Vietnam. Link tra bài báo: http://doi.org/10.29227/IM-2020-02-33 http://potopk.com.pl/Full_text/2020_n1_v1_full/IM%202-2020-v1-a31.pdf Tra tạp chí trên Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/145379			Mineral Engineering Society) (ISSN: 1640-4920)	(IF=0,25; Q4 năm 2020)		Vol.1, Trang 275-282	
19	Finite Element Method Application to Determine Appropriate Splitting Parameters for Dimensional Stone Quarries. Link tra bài báo: http://doi.org/10.29227/IM-2020-02-13 http://potopk.com.pl/Full_text/2020_n1_v1_full/IM%202-2020-v1-a11.pdf Tra tạp chí trên Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/145379	03		Inżynieria Mineralna (Journal of the Polish Mineral Engineering Society) (ISSN: 1640-4920)	Scopus, ESCI (IF=0,25; Q4 năm 2020)	-	Tập No.2, Số Vol.1, Trang 95-103	2020
20	Characteristics of top coal fall in front of face support in longwall: A case study. Link tra bài báo: https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/2/14955 Tra tạp chí trên Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/21101039869	03		Vietnam Journal of Earth Sciences (ISSN: 0866-7187; 2615-9783)	Scopus, ESCI	-	Tập No.42, Số Vol.2, Trang 152-160	2020
II.2 Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước								
21	Stability conditions of jointed rock slope with contact dynamics method.	01	x	Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)	-	-	Số 56, Trang 11-19	2016

	Link bài báo: http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=711							
22	Phương pháp phần tử rời rạc tương tác cứng: ứng dụng trong mô hình và phân tích các vấn đề ổn định trong ngành mỏ.	01	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 5, Trang 27-32	2016
23	Kích thước hình học các khối đá và nguy cơ mất ổn định bờ mỏ và sườn dốc.	02	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 2, Trang 53-58	2016
24	Tối ưu số vòng kim cương trên dây cắt dùng trong khai thác đá khối.	02		Tạp chí Công nghiệp Mỏ. (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 5, Trang 1-5	2016
25	Mô phỏng môi trường khối đá nứt nẻ bằng thuật toán ngẫu nhiên để đánh giá mất ổn định sườn dốc, bờ mỏ.	02	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 2, Trang 89-96	2017
26	Trung hòa chất lượng nguyên liệu trong quá trình sản xuất xi măng ở Việt Nam.	03	x	Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 4, Trang 72-84	2017
27	A methodology for the optimization of mining process in stone quarries: application for marble Thung Khuoc quarry (Vietnam) and dionyssomarble quarry. Link bài báo: http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=1118	01	x	Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)	-	-	Số 58, Tập 3, Trang 7-17	2017
28	Simulation (2D and 3D) of randomization orbit and radius affected of rockfall on open pit mines. Link bài báo: http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=1192	02	x	Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)	-	-	Số 58, Kỳ 6, Trang 58-65	2017

29	<p>Prediction of ground vibration due to blasting: case study in some quarries in Vietnam.</p> <p>Link bài báo: http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=916</p>	04	x	<p>Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)</p>	-	-	<p>Số 59, Tập 3, Trang 1-8</p>	2018
30	<p>Phương pháp mô phỏng, dự báo, xác định bán kính ảnh hưởng của đá văng do nổ mìn trên mỏ lộ thiên Việt Nam.</p>	04	x	<p>Tạp chí Công nghiệp Mỏ. (ISSN: 0868-7052)</p>	-	-	<p>Số 6, Trang 16-18</p>	2019
31	<p>Các mô hình mô phỏng khối đá phục vụ khai thác mỏ lộ thiên ở Việt Nam.</p> <p>Link bài báo: DOI:10.46326/JMES.K.TLT2020.07 http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=1263</p>	07	x	<p>Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)</p>	-	-	<p>Tập 61, Kỳ 5, Trang 80-96</p>	2020
32	<p>Đánh giá khả năng áp dụng một số công nghệ và thiết bị tiên tiến cho các mỏ khai thác lộ thiên ở Việt Nam.</p> <p>Link bài báo: DOI:10.46326/JMES.K.TLT2020.02 http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=1258</p>	05		<p>Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)</p>	-	-	<p>Tập 61, Kỳ 5, Trang 80-96</p>	2020
33	<p>Phát triển mô hình toán lập kế hoạch khai thác dài hạn tối ưu cho các mỏ đá vôi xi măng ở Việt Nam. Link bài báo: DOI:10.46326/JMES.K.TLT2020.05 http://jmes.humg.edu.vn/en/archives?article=1261</p>	06		<p>Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)</p>	-	-	<p>Tập 61, Kỳ 5, Trang 80-96</p>	2020

34	Nghiên cứu khả năng ứng dụng của sóng siêu âm trong việc xác định khe nứt cho khối đá ốp lát. Link bài báo: DOI:10.46326/JMES.KTLT2020.08 http://jmes.hung.edu.vn/en/archives?article=1264	05		Journal of Mining and Earth Sciences (ISSN: 1859-1469)	-	-	Tập 61, Kỳ 5, Trang 80-96	2020
35	Tối ưu hóa kế hoạch khai thác dài hạn các mỏ đá vôi xi măng sử dụng lập trình tuyến tính số nguyên hỗn hợp.	06		Tạp chí Công nghiệp Mỏ (ISSN: 0868-7052)	-	-	Số 2, Trang 20-26	2021
II.3 Bài báo đăng trên Hội nghị, Hội thảo quốc tế và trong nước								
36	Modelling of the rock mass and discontinuity structure aided design and planning methodology for marble Thung Khuoc quarries, Vietnam.	03	x	Proceedings of the International Conferences on Earth Sciences and Sustainable Geo-resources Development (ESASGD 2016). (ISBN: 978-604-76-1171-3)	-	-	Trang 66-74	2016
37	Determining optimum fragmentation and blasting performance for the impact of rock mass structure in open pit Nui Beo Coal mine, Vietnam.	02		Proceedings of the International Conferences on Earth Sciences and Sustainable Geo-resources Development (ESASGD 2016). (ISBN: 978-604-76-1171-3)	-	-	Trang 88-91	2016
38	Modelling a fractured rock mass applied to study the benches stability in quarry Ninhdan, Vietnam.	01	x	Geo-spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2017). (ISBN: 978-604-913-618-4)	-	-	Trang 509-514	2017

39	Study on establishing reasonable parameters of waste dump with multi-benches.	04		Geo-spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2017). (ISBN: 978-604-913-618-4)	-	-	Trang 387-392	2017
40	Determining for an output capacity of dimension stone exploitation for the computer simulations to generate the fracture network in 3D.	03	x	ASEAN Geosciences and Earth Resources for Sustainable Development. (GEOSEA 2018, 15th Rergional Congress on Geology, Mineral and Envergy Resources of SouthEast Asia). (ISBN: 978-604-913-751-8)	-	-	Trang 376-386	2018
41	Xác định các thông số nê m hợp lý trong tách đá khối ở Việt Nam.	03		Hội nghị khoa học kỹ thuật mỏ toàn quốc lần thứ XXVI (ISBN: 978-604-931-521-3)	-	-	Trang 212-217	2018
42	Determining for an output capacity of dimension stone exploitation from the computer simulations to generate the fracture network in 3D: case study in some dimensional stone quarries in Vietnam	06	x	Scientific-Research Cooperation between Poland and Vietnam. AGH Poland. POL-VIET 2019 (ISBN: 978-83-943772-4-3)	-	-	Trang 142-153	2019
43	Xây dựng mô hình toán học tuyến tính hỗ trợ lập kế hoạch sản xuất dài hạn cho các mỏ đá vôi xi măng ở Việt Nam	05		Hội nghị toàn quốc về Khoa học Trái đất và Tài nguyên với phát triển bền vững (ERSD 2020). (ISBN: 978-604762277-1)	-	-	Trang 1-10	2020
44	Đánh giá công nghệ khai thác và đề xuất các giải pháp công nghệ nâng cao hiệu quả khai thác đá ốp lát cho các	05		Hội nghị toàn quốc về Khoa học Trái đất và Tài nguyên với phát triển bền vững	-	-	Trang 79-87	2020

	mỏ đá ốp lát ở Việt Nam.			(ERSD 2020). (ISBN: 978-604762277-1)				
--	--------------------------	--	--	---	--	--	--	--

Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 02 bài có số thứ tự 17, 18 trong bảng trên.

7.2. Các bài báo đăng trên Hội nghị, Hội thảo quốc tế và trong nước, không có chỉ số ISBN:

TT	Tên Báo cáo/bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên hội nghị khoa học	Trang	Năm công bố
1	Xác định chiều cao gạt hợp lý khi khai thác chọn lọc vỉa dốc đứng.	2		Báo cáo Hội nghị Khoa học kỹ thuật mỏ toàn quốc lần thứ XV, Huế.	43-45	2003
2	Thiết lập mối quan hệ giữa các thông số nổ mìn và ứng dụng nó trong tính toán tối ưu.	3		Báo cáo Hội nghị Khoa học kỹ thuật mỏ toàn quốc lần thứ XVI, Nghệ An.	81-83	2004
3	Vấn đề lựa chọn chế độ công tác mỏ lộ thiên.	1	x	Báo cáo Hội nghị Khoa học lần thứ 16, quyển 1 (Các khoa học về Mỏ). Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.	85-89	2004
4	Xác định tốc độ xuống sâu của mỏ lộ thiên khi áp dụng phương pháp chuẩn bị tầng mới theo phân.	1	x	Báo cáo Hội nghị Khoa học lần thứ 17, quyển 1 (Các khoa học về Mỏ và kinh tế quản trị kinh doanh), Hà Nội.	100-105	2006
5	Xác định tốc độ xuống sâu và khả năng sản lượng của các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh trên cơ sở năng lực xúc bốc đất đá của mỏ.	2	x	Hội nghị Khoa học kỹ thuật mỏ toàn quốc lần thứ XVII, Đa Năng.	206-208	2006
6	Nghiên cứu áp dụng công nghệ khai thác hợp lý cho các mỏ đá sét ở Việt Nam nhằm đảm bảo sản xuất an toàn và bảo vệ môi trường.	1	x	Hội nghị Khoa học kỹ thuật mỏ toàn quốc lần thứ XVIII, Sapa.	156 - 161	2007
7	Nghiên cứu biện pháp xử lý hang karst trong xây dựng cơ bản và khai thác cho khoáng sàng phía bắc mỏ đá vôi Hoàng Mai A – Công ty Xi măng Nghi Sơn.	4		Báo cáo Hội nghị Khoa học lần thứ 18, Đại học Mỏ - Địa chất, (Quyển 1), Hà Nội.	88-94	2008

8	Nghiên cứu ảnh hưởng của chiều cao tầng và việc lựa chọn thiết bị khai thác đến khả năng sản lượng của mỏ lộ thiên	1	x	Báo cáo Hội nghị Khoa học lần thứ 18, Đại học Mỏ - Địa chất, (Quyển1), Hà Nội.	130-135	2008
9	Xây dựng và thử nghiệm mô hình công nghệ thân thiện với môi trường để khai thác quặng inmenit (titan) trong cón cát ven biển huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.	3		Tuyển tập báo cáo Hội nghị Khoa học lần thứ 18. Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.	56-65	2010
10	Tối ưu một số thông số công nghệ khai thác đá khối bằng máy cưa cáp.	1	x	Tuyển tập báo cáo Hội nghị KHKT mỏ toàn quốc lần thứ 22, Nha Trang.	271-280	2011
11	Grouping discontinuities of fractured rock mass into main sets: consequences on the stability analysis of open pit benches.	3	x	International Discrete Fracture Network Engineering Conference (DFNE 2014). Vancouver, British Columbia, Canada.	213/1-8	2014
12	Prediction of ground vibration due to blasting: case study in some open pit mine in Vietnam.	4	x	Coal Mining and Utilization for Sustainable Development International Conference (CM&USD 2017), Lampang, Thailand.	14-20	2017
13	Determining for an Output Capacity of Dimension Stone Exploitation from the Computer Simulations to Generate the Fracture Network in 3D.	4	x	The 13 th International Conference on Mining, Materials and Petroleum Engineering (CMMP 2019), Aonang Villa Resort, Krabi, Thailand.	168-178	2019

7.3. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

1	Chương trình đào tạo 4 năm (CDIO 2018): Ngành Kỹ thuật mỏ (mã số 7520601), với đề cương chi tiết các môn học: Ôn định bờ mỏ và sườn dốc (mã học phần 7030113); Tin học ứng dụng trong khai thác lộ thiên (mã học phần 7030121)	Tham gia	Quyết định: 830/QĐ-MĐC ngày 29/6/2018, 2955/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2018, 1123/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2019.	Trường Đại học Mỏ-Địa chất.	Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Mỏ - Địa chất từ năm 2018.	
2	Chương trình đào tạo 4,5 năm (CDIO 2020): Ngành Kỹ thuật mỏ (mã số 7520601), với đề cương chi tiết các môn học: Ôn định bờ mỏ và sườn dốc (mã học phần 7030113); Tin học ứng dụng trong khai thác lộ thiên (mã học phần 7030121)		Quyết định: 535/QĐ-MĐC ngày 26/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.	Trường Đại học Mỏ-Địa chất.	Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Mỏ - Địa chất từ năm 2020.	
3	Tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành An toàn, vệ sinh lao động.	Tham gia	Soạn thảo và xây dựng nội dung chương trình theo Quyết định số 447/QĐ-MĐC ngày 03/06/2021.	Trường Đại học Mỏ-Địa chất.	Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2021-2022.	Đang trong giai đoạn thẩm định và xây dựng chương trình.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: chưa được bổ nhiệm

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo 6 năm (UV PGS): Đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp: Đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy: Đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH: Đủ

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) : Đủ
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS.

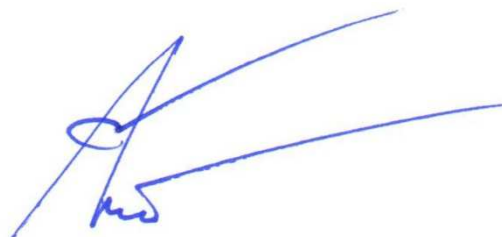
Đề xuất sách CKUT là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: 01 sách chuyên khảo "Mô phỏng khối đá hỗ trợ khai thác đá khối an toàn và hiệu quả" thay thế 01 CTKH.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Anh Tuấn